

Số: 05/QĐ- MNHK

Hiển Khánh, ngày 10 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện dự toán ngân sách năm 2023 của Trường Mầm Non Hiển Khánh

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT- BGDDT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT- BTC ngày 28/09/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 635/QĐ-PGDĐT ngày 23/12/2022 của Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện Vụ Bản về việc giao dự toán chi ngân sách sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo năm 2023;

Căn cứ quyết định giao dự toán số 465/QĐ-PGDĐT ngày 19/10/2023 của phòng GD&ĐT huyện Vụ Bản về việc giao dự toán bổ sung chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ quyết định giao dự toán số 649/QĐ-PGDĐT ngày 12/12/2023 của phòng GD&ĐT huyện Vụ Bản về việc giao dự toán bổ sung chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ quyết định giao dự toán số 720/QĐ-PGDĐT ngày 20/12/2023 của phòng GD&ĐT huyện Vụ Bản về việc giao dự toán bổ sung chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Xét đề nghị của Bộ phận Tài chính - Kế toán;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách năm 2023 của Trường Mầm Non Hiển Khánh (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận hành chính, kế toán và các bộ phận có liên quan trong đơn vị Trường Mầm Non Hiển Khánh tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ phận TCKT
- Lưu :VT, KT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Thị Thanh Chung

Hiền Khánh, ngày 10 tháng 01 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Mầm non Hiền Khánh công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2023 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
2	Chi quản lý hành chính				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3.796.251.000	3.796.251.000	100%	99,60%
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.796.251.000	3.796.251.000	100%	99,60%
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3.796.251.000	3.796.251.000	100%	99,60%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.735.953.000	3.735.953.000	100%	97,80%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	60.298.000	60.298.000	100%	208,40%

Hiền Khánh, ngày 10 tháng 01 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Thanh Chung

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Mầm non Hiến Khánh

Mã ĐVQHNS: 1117012

Mã cấp NS: 3

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2023

Mã nguồn ngân sách	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	Thực chi		DT giữ lại	DT còn lại
		Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
KP không thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	47.000.000	47.000.000	47.000.000	47.000.000	47.000.000	47.000.000		-
KP thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	3.565.914.000	3.735.953.000	3.735.953.000	3.735.953.000	37.359.530.000	3.735.953.000		-
KP không thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm		13.298.000	13.298.000	13.298.000	13.298.000	13.298.000		-
Tổng cộng	3.612.914.000	3.796.251.000	3.796.251.000	3.796.251.000	37.419.828.000	3.796.251.000		-

Trong đó dự toán đã sử dụng chi theo nội dung sau:

Nội dung	Mục lục NSNN		Tạm ứng		Thực chi		Tổng		
	Mã nguồn NSNN	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	D	E	1	2	3	4	5	6
KP không thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	12					47.000.000	47.000.000	47.000.000	47.000.000
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng		6552				4.500.000	4.500.000	4.500.000	4.500.000
Các thiết bị công nghệ thông tin		6912				20.180.000	20.180.000	20.180.000	20.180.000
Chi mua hàng hóa, vật tư dùng cho chuyên môn		7001				22.320.000	22.320.000	22.320.000	22.320.000
KP thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	13					3.735.953.000	3.735.953.000	3.735.953.000	3.735.953.000
Lương ngạch, bậc theo quỹ lương được duyệt		6001				1.857.339.200	1.857.339.200	1.857.339.200	1.857.339.200
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		6051				67.777.000	67.777.000	67.777.000	67.777.000
Phụ cấp chức vụ		6101				21.525.000	21.525.000	21.525.000	21.525.000

Phụ cấp ưu đãi nghề				660.793.000	660.793.000	660.793.000	660.793.000
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc				14.352.000	14.352.000	14.352.000	14.352.000
Phụ cấp thâm niên nghề				279.839.700	279.839.700	279.839.700	279.839.700
Chi khác				19.810.300	19.810.300	19.810.300	19.810.300
Bảo hiểm xã hội				395.483.000	395.483.000	395.483.000	395.483.000
Bảo hiểm y tế				67.796.500	67.796.500	67.796.500	67.796.500
Kinh phí công đoàn				43.356.000	43.356.000	43.356.000	43.356.000
Bảo hiểm thất nghiệp				21.657.000	21.657.000	21.657.000	21.657.000
Tiền vệ sinh, môi trường				39.449.200	39.449.200	39.449.200	39.449.200
Vật tư văn phòng khác				500.000	500.000	500.000	500.000
Thuế bao kính vệ tinh; thuế bao cấp truyền hình; cước phí Internet; thuế đường truyền				5.520.000	5.520.000	5.520.000	5.520.000
Tuyên truyền, quảng cáo				34.085.400	34.085.400	34.085.400	34.085.400
Khoản công tác phí				14.300.000	14.300.000	14.300.000	14.300.000
Thuế lao động trong nước				89.082.000	89.082.000	89.082.000	89.082.000
Các thiết bị công nghệ thông tin				6.493.000	6.493.000	6.493.000	6.493.000
Chi mua hàng hóa, vật tư dùng cho chuyên môn				64.215.000	64.215.000	64.215.000	64.215.000
Chi bảo hiểm tai nạn và phương tiện				7.564.700	7.564.700	7.564.700	7.564.700
Chi kỳ niệm các ngày lễ lớn				25.015.000	25.015.000	25.015.000	25.015.000
KP không thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm			15	13.298.000	13.298.000	13.298.000	13.298.000
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập				1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000
Các khoản hỗ trợ khác				8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ				2.948.000	2.948.000	2.948.000	2.948.000

Hiền Khánh, ngày 10 tháng 01 năm 2024

Kế toán



Trần Thị Loan



Nguyễn Thị Thanh Chung